TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST.
Ngày 04/02/2025.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên;

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2024/TLST-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (ông C có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (ông N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Vào ngày 14/02/2022, ông có đưa cho ông Ngô Văn N lần 01 số tiền 100.000.000 đồng. Đến ngày 14/10/2022, ông đưa cho ông N số tiền 100.000.000 đồng, việc giao nhận tiền không làm giấy tờ và không ai chứng kiến. Mục đích ông đưa tiền cho ông N là nhờ ông N cho người khác vay lại dùm ông, ông N cho ai vay lại thì ông không biết. Tổng cộng ông đã đưa cho ông N là 200.000.000 đồng, lãi suất ông cho vay là 3 phân (100.000.000 đồng lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng và ông N cũng lấy lời trên số tiền này từ người

vay tiền). Tổng cộng ông N đã đưa tiền lãi cho ông nhận là 107.000.000 đồng đến tháng 01/2024 thì ông N không có đưa tiền lãi cho ông. Ông N có đưa cho ông nhận 90.000.000 đồng tiền gốc do ông T đưa cho ông N rồi ông N đưa lại cho ông (ông N đưa tiền vào ngày 07/3/2024). Ông biết ông N cho ông T vay sau 02 năm đưa tiền thì ông mới biết (ông biết ông T ở ấp N, xã M, còn tên tuổi và năm sinh chính xác thì ông không biết), nay ông T đã bỏ địa phương đi nơi khác. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang giải quyết buộc ông Ngô Văn N phải trả cho ông số tiền gốc là 110.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Văn N trình bày: Vào ngày 14/02/2022, ông Lê Văn C có đưa cho ông lần 1 số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó khoảng 01 tháng sau thì ông C tiếp tục đưa cho ông nhận số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần ông nhận từ ông C là 200.000.000 đồng. Ông C đưa cho ông là nhờ ông cho người khác vay dùm và ông đã đưa cho ông T vay lại dùm ông C (ông T tên thật là Lê Văn Ú ở ấp B, xã M hiện tại ông T không còn ở địa phương). Sau khi vay tiền, ông T đã đưa cho ông số tiền là 90.000.000 đồng để ông trả gốc cho ông C và ông đã đưa lại số tiền 90.000.000 đồng cho ông C nhận, ông không có lấy lãi trên số tiền của ông C đưa. Trước tiên ông C nhờ ông cho vay dùm chứ ông không có vay tiền của ông C, khi ông nhận tiền của ông C thì không ai chứng kiến và không làm giấy tờ gì, lãi suất ông C cho vay là 100.000.000 đồng là 3.000.000 đồng/tháng, ông T đóng lãi được 115.000.000 đồng đến 125.000.000 đồng cho ông và ông đã đưa lại cho ông C, không làm giấy tờ, ông T ngưng đưa tiền lãi cho ông từ tháng 01/2024 cho đến nay, ông đã đóng lãi thay cho ông T 02 tháng cho ông C nhận nhưng ông C trình bày là có nhận tiền lãi là 107.000.000 đồng thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn C trừ tiền lãi mà ông đã đóng là 107.000.000 đồng vào vốn gốc. Nay ông Lê Văn C yêu cầu ông trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng thì ông không đồng ý do ông không có vay tiền của ông C, đối với phần tiền lãi ông T đã đưa cho ông đóng cho ông C thì ông yêu cầu trừ vào số vốn gốc. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông

Ngô Văn N. Buộc ông Ngô Văn N phải trả cho ông C số tiền còn nợ là 34.540.000 đồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông C và ông N do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

- *Phần kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Văn C khởi kiện buộc ông Ngô Văn N phải trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Ngô Văn N khởi kiện yêu cầu trừ số tiền lãi đã đóng vào vốn gốc. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Nguyên đơn Lê Văn C khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn N phải trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Ông thừa nhận vào ngày 14/02/2022, ông Lê Văn C có đưa cho ông lần 1 số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó khoảng 01 tháng sau, ông C tiếp tục đưa cho ông nhận số tiền 100.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần ông nhận từ ông C là 200.000.000 đồng. Mục đích ông C đưa tiền cho ông là nhờ ông cho người khác vay lại dùm. Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền gốc 110.000.000 đồng thì ông không đồng ý theo yêu cầu của ông C, do ông không có vay tiền của ông C.

Xét thấy tại phiên tòa, các bên đương sự đều trình bày việc ông C đưa tiền cho ông N không làm giấy tờ, không ai chứng kiến, không thỏa thuận trách nhiệm trả tiền. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận vào ngày 14/02/2022, có nhận số tiền 100.000.000 đồng từ ông C. Sau đó khoảng 01 tháng sau, ông C tiếp tục đưa cho ông N nhận số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích ông C đưa tiền cho ông N là nhờ ông N cho người khác vay lại dùm và ông N đã đưa số tiền trên cho ông Lê Văn Ú, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (tên thường gọi là T) nhận số tiền trên. Quá trình vay ông Ú có đưa cho ông N số tiền 90.000.000 đồng để trả gốc cho ông C và ông N

đã đưa số tiền 90.000.000 đồng cho ông C nhận. Căn cứ vào lời trình bày của bị đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện ông Ngô Văn N có nhận số tiền 200.000.000 đồng của ông Lê Văn C. Khi giao nhận tiền thì ông N là người trực tiếp nhận tiền, ông Ú không có nhận tiền từ ông C, mục đích ông C giao tiền cho ông N là để cho ông N cho người khác vay lại dùm. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận có nhận số tiền gốc 90.000.000 đồng từ ông N trả cho ông. Căn cứ vào khoản 1 Điều 159 Bộ luật dân sự quy định "quyền khác đối với tài sản là quyền của chủ thể trực tiếp nắm giữ, chi phối tài sản thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác" và khoản 2 Điều 162 Bộ luật dân sự quy định "chủ thể có quyền khác đối với tài sản phải chịu rủi ro về tài sản trong phạm vi quyền của mình…"

Từ những phân tích nêu trên và lời trình bày của các đương sự đã chứng minh ông Ngô Văn N có nhận của ông Lê Văn C số tiền 200.000.000 đồng để cho người khác vay lại dùm, quá trình vay ông N có đưa cho ông C nhận số tiền gốc 90.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc là 110.000.000 đồng.

[3] Về nội dung khởi kiện của bị đơn đối với nguyên đơn:

Xét thấy khi giao kết hợp đồng hai bên chỉ thể hiện bằng lời nói, không làm hợp đồng, không xác định thời hạn, có thỏa thuận về lãi suất, bị đơn có tranh chấp về lãi suất. Các bên đương sự đều trình bày quá trình vay ông N có đưa tiền lãi cho ông C nhận tổng cộng số tiền lãi là 107.000.000 đồng (từ tháng 01/2024 thì ông N không có đưa tiền lãi cho ông C). Quá trình giải quyết vụ án, ông N yêu cầu đối với phần tiền lãi ông T đã đưa cho ông đóng cho ông C thì ông yêu cầu trừ vào số vốn gốc. Xét thấy do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về lãi suất vay, có tranh chấp về phần lãi và bị đơn có yêu cầu tính lãi lại. Căn cứ khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xét tính lãi của khoản vay lần 1 là 100.000.000 đồng từ ngày 14/02/2022 đến ngày 14/10/2022 như sau: 100.000.000 đồng x 8 tháng x 0,83%/tháng = 6.640.000 đồng, tiền lãi của hai lần vay tổng cộng là 200.000.000 đồng từ ngày 14/11/2022 đến ngày 14/01/2024 như sau: 200.000.000 đồng x 15 tháng x 0,83%/tháng = 24.900.000 đồng như vậy tổng số tiền lãi từ ngày 14/2/2022 đến ngày 14/01/2024 mà ông N phải đóng cho ông C là 31.540.000 đồng nhưng từ khi vay tiền cho đến ngưng đóng lãi thì ông N đã đưa tiền lãi cho ông C nhận là 107.000.000 đồng như vậy số tiền lãi ông N đóng dư là 75.460.000 đồng (107.000.000 đồng -31.540.000 đồng) sẽ trừ vào vốn gốc còn nợ là 110.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, 159, 162, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông C và chấp nhận yêu cầu của ông N buộc ông Ngô Văn N phải trả cho ông C số tiền còn nợ là 34.540.000 đồng (110.000.000 đồng -75.460.000 đồng).

- Về phần lãi suất ông Lê Văn C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc ông Ngô Văn N trình bày là nhận số tiền 200.000.000 đồng từ ông Lê Văn C và đưa số tiền 200.000.000 đồng cho ông Lê Văn Ú, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C vay dùm cho ông C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành mời anh Ú lên làm việc nhưng hiện tại anh Ú không có mặt tại địa phương, ông N không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông N có quyền khởi kiện khởi kiện yêu cầu ông Ú trả số tiền trên nếu có đủ tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình trong vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Lê Văn C và ông Ngô Văn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí căn cứ vào Điều 12, 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông C và ông N.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 158, Điều 159, Điều 162, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào các Điều 12, 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn N.

Buộc ông Ngô Văn N phải trả cho ông Lê Văn C số tiền còn nợ là 34.540.000 đồng. Ông Lê Văn C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Lê Văn C và ông Ngô Văn N được miễn án phí theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà